CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Nhựa Tân Đại Hưng

Ngày 30/06/2025	9,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	**18.4%**

DT thuần
Q2/25
120
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 10.0| 9.5%
YoY: ▲ 4.00| 3.8%

LN thuần
Q2/25
2.00
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.55| -69.5%
YoY: ▼1.52| -43.2%

LN sau thuế
Q2/25
2.05
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.96| -48.8%
YoY: ▼3.32| -61.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
3.0%
YoY: +/-▼ 1.9%

ROE (TTM)
Q2/25
3.6%
YoY: +/-▼ 1.2%

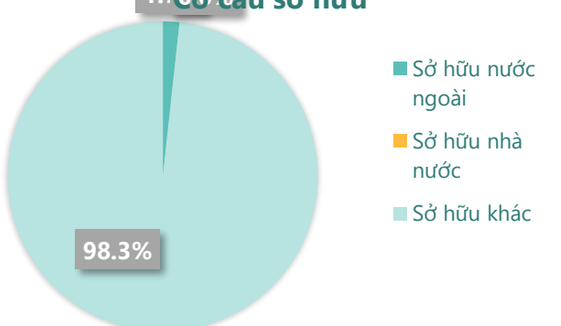
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,730 - 12,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	203
Số lượng CPLH (CP)	22,516,965
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,305
Sở hữu nước ngoài	1.7%
Beta	0.40
EPS	484
P/E	18.6

DT thuần
6T 2025
230
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 26.0| 13.2%

LN thuần
6T 2025
8.54
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.48| 68.9%

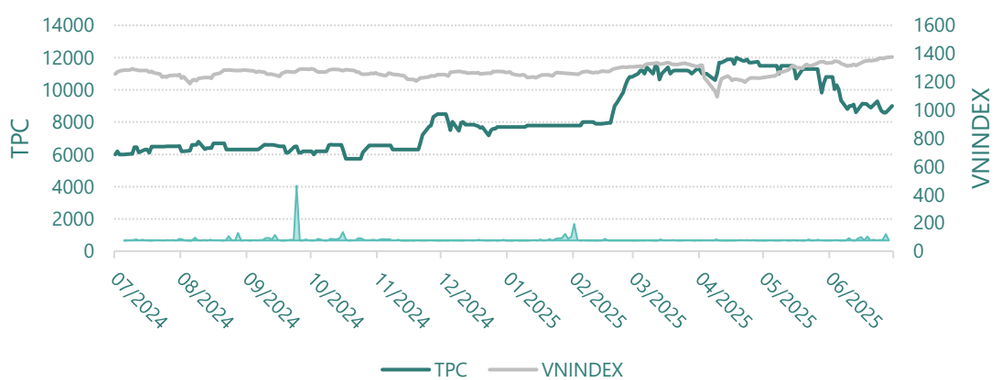
LN sau thuế
6T 2025
6.06
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.01| -14.3%

Cơ cấu sở hữu

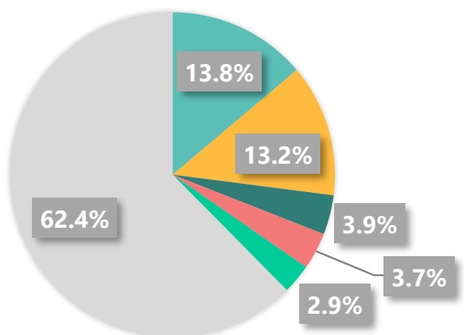


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

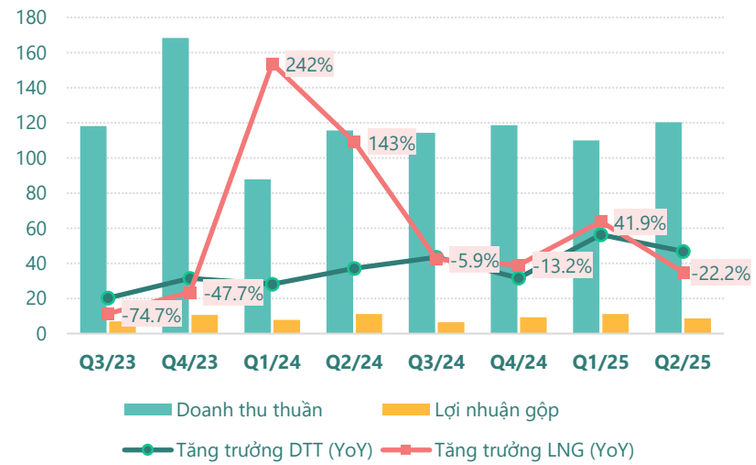


- Lê Thị Mỹ Hạnh
- Phạm Trung Cang (Chủ tịch HĐQT)
- Đỗ Thị Quế Thanh
- Phạm Đỗ Diễm Hương
- Phạm Đỗ Quế Hương
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

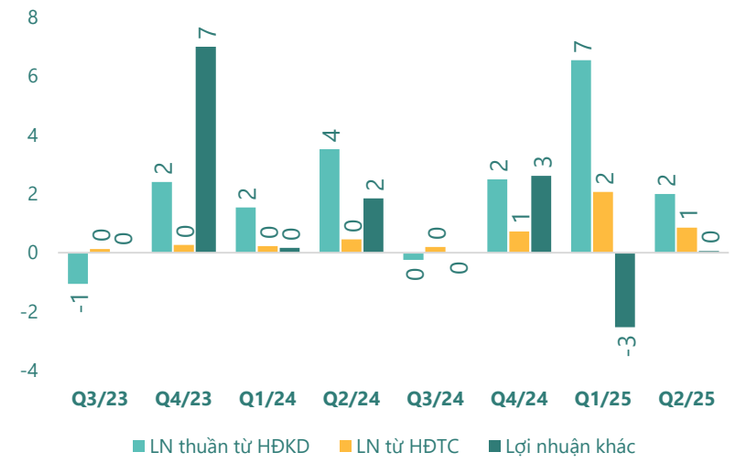
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



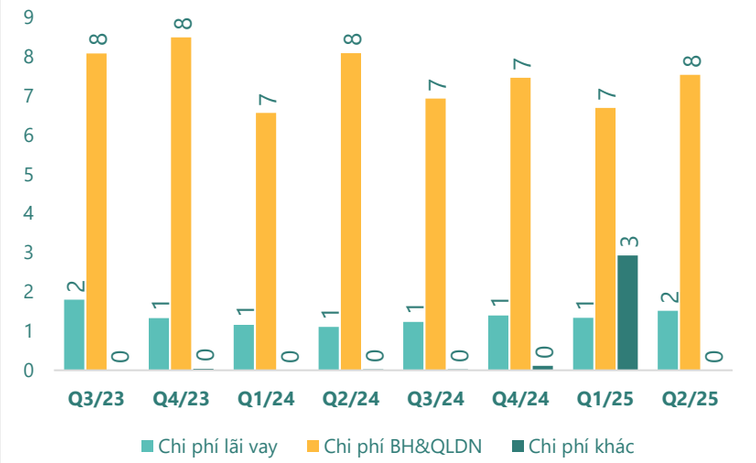
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



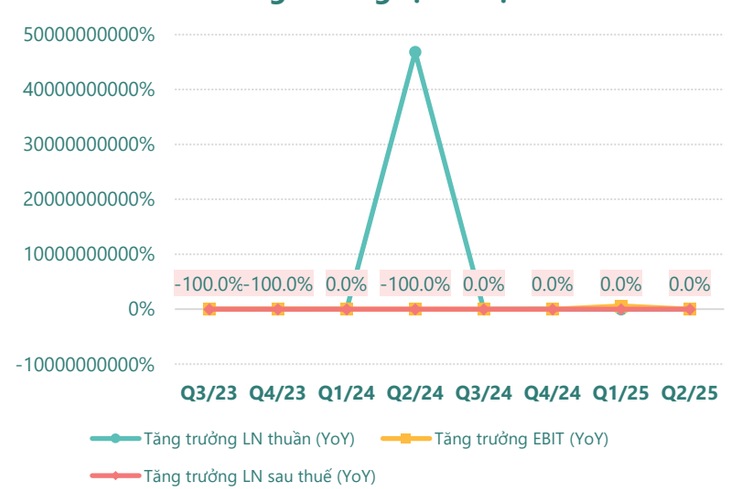
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



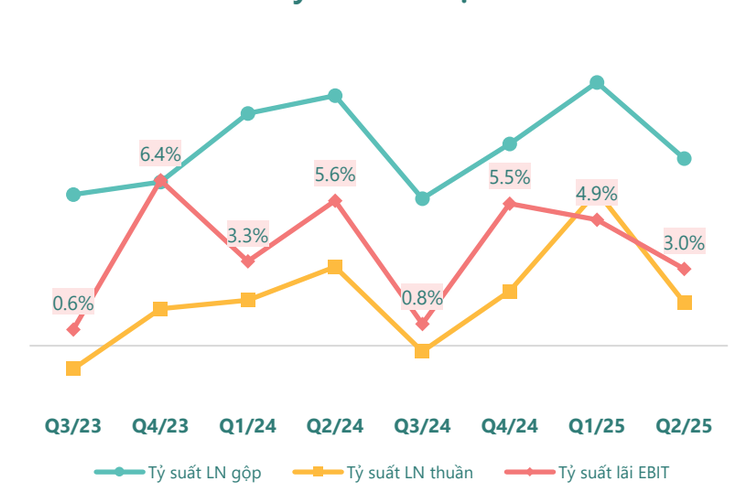
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



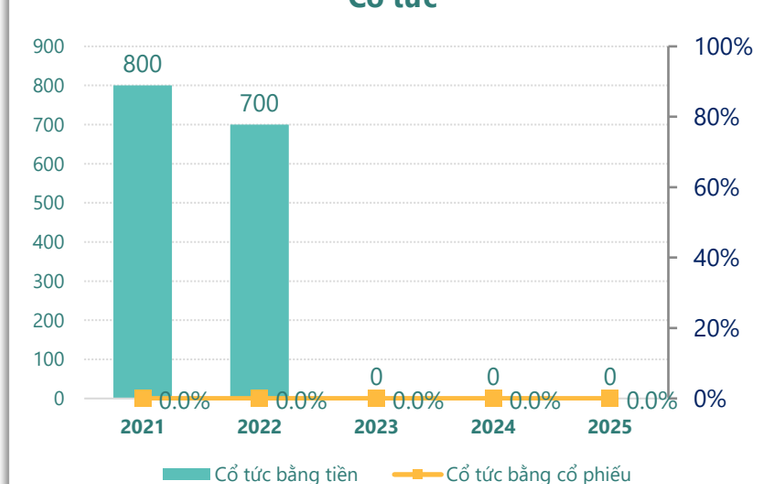
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

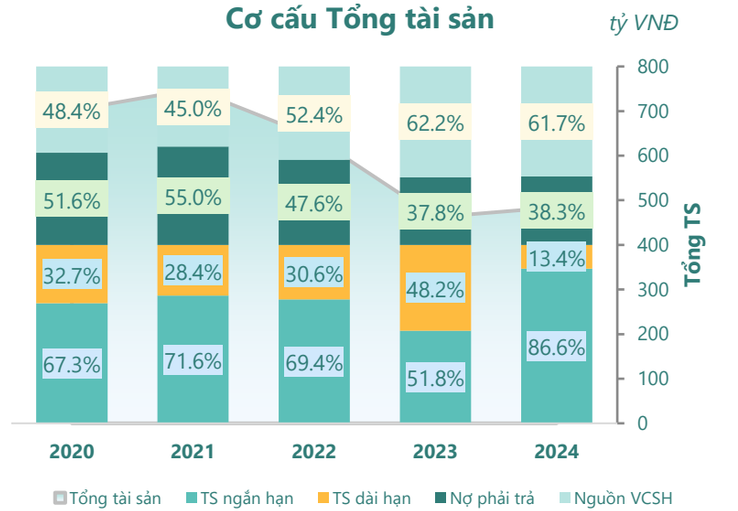
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

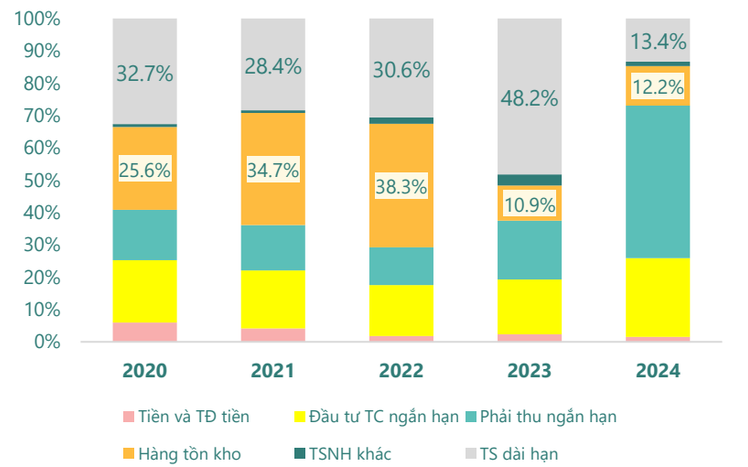
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



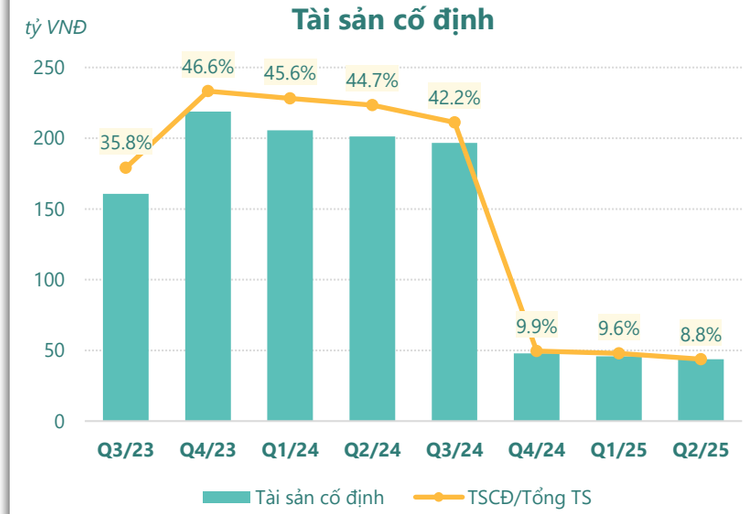
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



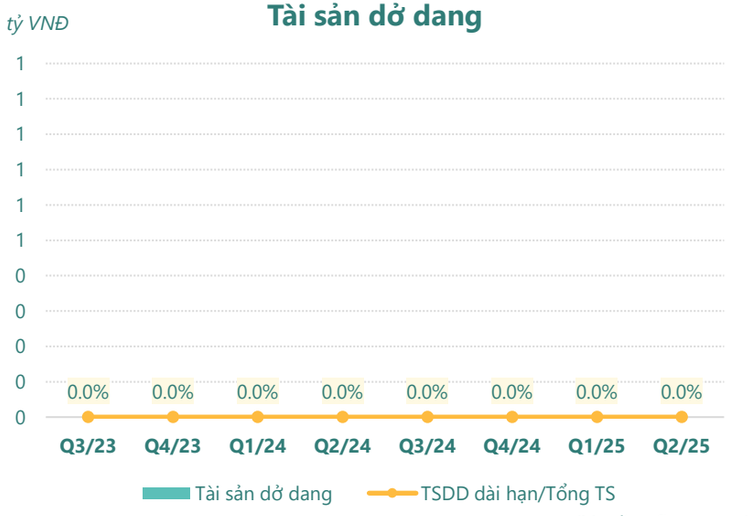
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



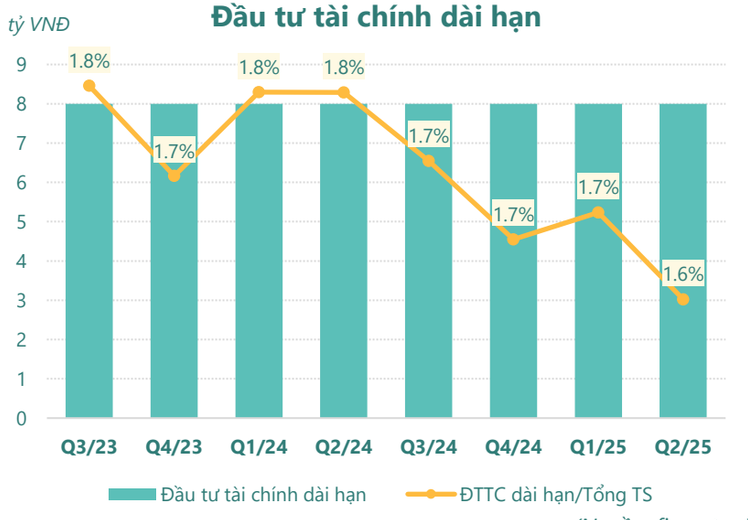
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



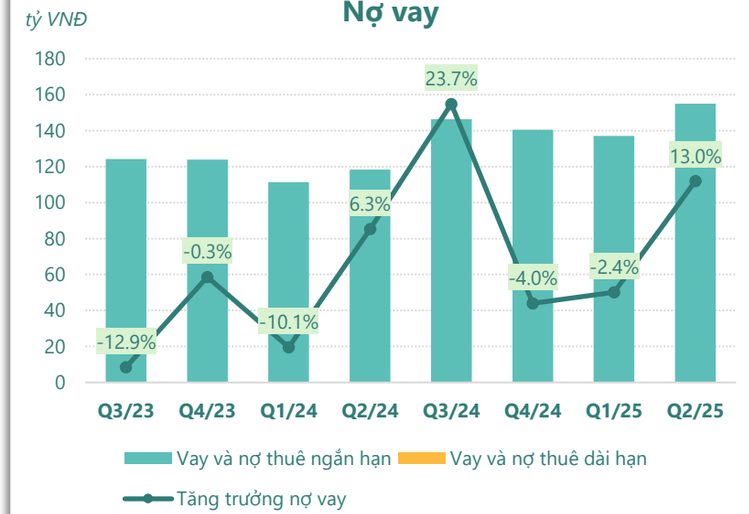
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

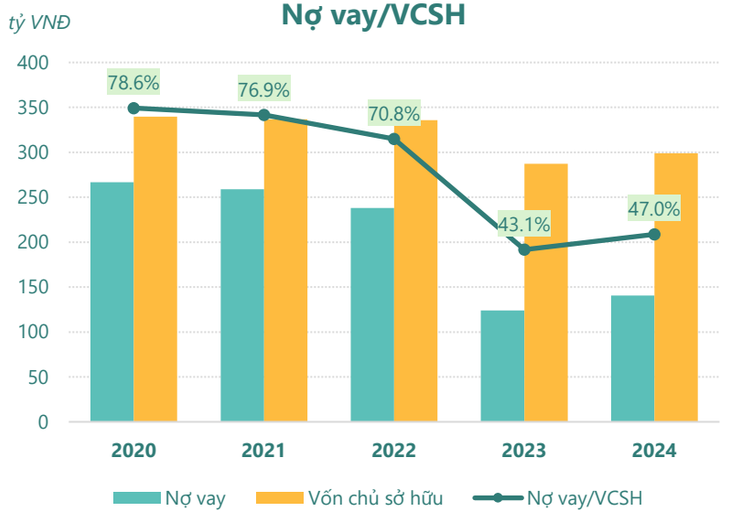
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



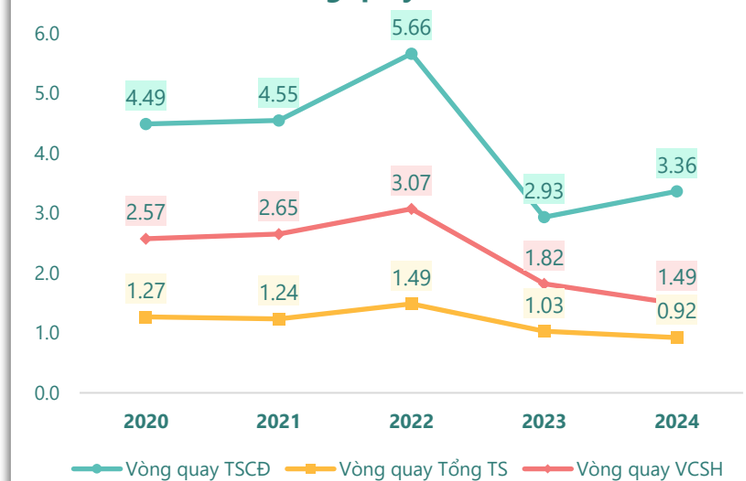
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



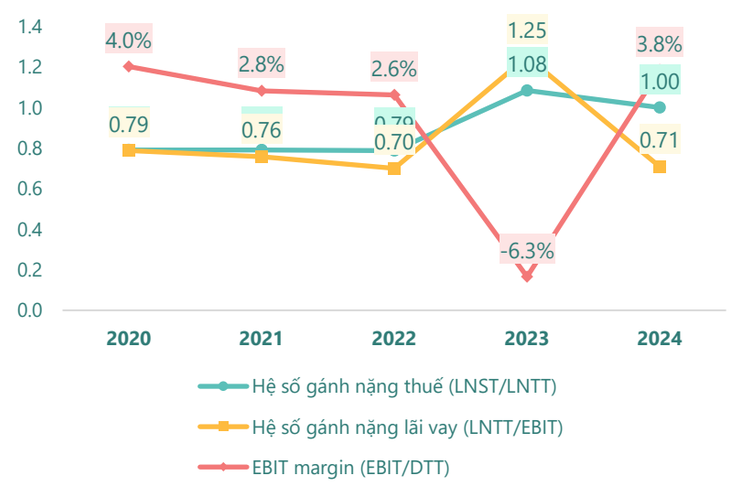
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



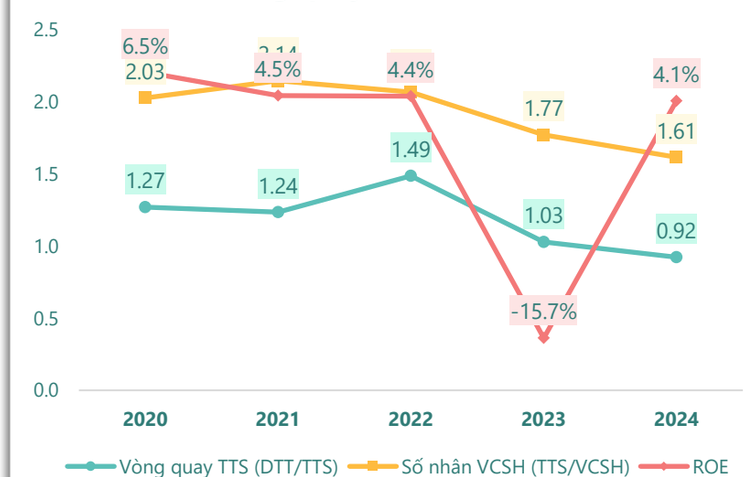
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



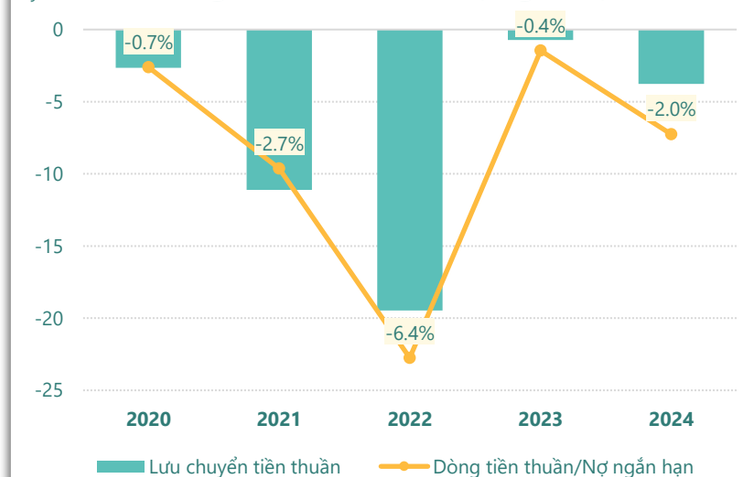
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**120**	**116**	**3.8%**	**230**	**204**	**13.2%**
Giá vốn hàng bán	112	104	7.4%	211	185	14.1%
Lợi nhuận gộp	8.69	11.2	-22.4%	19.9	19.0	4.3%
Doanh thu HĐTC	2.50	1.55	61.3%	5.90	2.94	101%
Chi phí TC	1.65	1.10	50.2%	2.99	2.27	31.9%
Chi phí lãi vay	1.52	1.10	37.9%	2.85	2.26	26.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	4.19	4.66	-10.1%	7.63	7.11	7.3%
Chi phí QLDN	**3.34**	**3.43**	**-2.5%**	**6.60**	**7.54**	**-12.5%**
LN thuần từ HĐKD	2.00	3.52	-43.2%	8.54	5.06	68.9%
Lợi nhuận khác	**0.05**	**1.85**	**-97.1%**	**-2.48**	**2.01**	**-223%**
LN trước thuế	2.05	5.37	-61.8%	6.06	7.07	-14.3%
Lợi nhuận sau thuế	**2.05**	**5.37**	**-61.8%**	**6.06**	**7.07**	**-14.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.05**	**5.37**	**-61.8%**	**6.06**	**7.07**	**-14.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.71	10.3	6.51	-9.70	0.74	5.83
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.66	-7.44	-45.1	16.7	0.78	-19.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-12.8	7.06	28.3	-6.05	-3.15	17.3
Tiền đầu kỳ	11.0	6.51	16.5	6.17	7.35	5.73
Lưu chuyển tiền thuần	**-4.46**	**9.88**	**-10.3**	**0.91**	**-1.62**	**3.27**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.08	0	0.06	0.00	0.07
Tiền cuối kỳ	6.51	16.5	6.17	7.14	5.73	9.07

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**500**	**485**	**3.1%**
Tài sản ngắn hạn	441	420	4.9%
Tiền và tương đương tiền	9.07	7.35	23.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	263	118	123%
Phải thu ngắn hạn	92.6	229	-59.5%
Hàng tồn kho	67.4	59.2	13.8%
Tài sản ngắn hạn khác	8.74	6.72	30.2%
Tài sản dài hạn	**59.0**	**64.7**	**-8.8%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	43.8	47.9	-8.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	8.00	8.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**7.22**	**8.78**	**-17.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	195	186	4.8%
Nợ ngắn hạn	**195**	**186**	**4.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	155	141	10.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	26.7	27.9	-4.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**305**	**299**	**2.0%**
Vốn chủ sở hữu	**305**	**299**	**2.0%**
Vốn điều lệ	244	244	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)